

SMSS Họ Lót Tên D D Số STK

TV n T R Tiền

T B L n

H HB

T

1 K38. Lưu Vă 3. 8 262

704. Kết n 243 500

013 0

2 K38. Giang Qu 2. 7 210

704. Thê ân 975 000

009 0

3 K38. Hứa Ng 3. 8 262

754. Hoàn hi 451 500

030 0

4 K38. Nguyễn Lín 3. 7 210

754. n Thúy h 476 000

096 0

5 K38. Hà Gia Hà 3. 7 210

754. n 258 000

011 0

6 K38. Thái Du 3. 8 210

754. Thanh y 158 000

009 0

7 K38. Huỳnh Mã 3. 7 210

754. Thục n 159 000

026 0

8 K38. Trần Oa 3. 8 210

754. Dĩnh nh 154 000

036 0

9 K38. Lò Hồ 3. 8 210

754. Kim ng 150 000

085 0

1 K38. Lâm Việ 3. 8 210

0 754. Thị t 135 000

187 Kim 0

1 K38. Tạ Yế 3. 8 210

1 754. Mẫn n 132 000

192 0

1 K38. Đinh Cư 3. 9 210

2 754. Tiến ờn 1 0 000

006 g 0

1 K38. Dư Ng 3. 8 210

3 754. Hoàng ọc 1 2 000

118 0

1 K38. Lưu Th 3. 9 210

4 754. Xuân ảo 1 4 000

160 0

1 K38. Quách Qu 3. 7 210

5 754. Thục yên 084 000

146 0

1 K38. Mã	Qu 3. 7	210
6754. Trúc	ỳn 085	000
150	h	0
1 K38. Hoàng	Th 3. 7	210
7754. Ngọc	anh084	000
158	Đan	0
1 K38. Đặng	Ng 3. 7	210
8754. Lưu	ọc 059	000
032	Kim	0
1 K38. Nguyễn	Trâ3. 8	210
9754. n Thị	Pm 055	000
170	hương	0
2 K38. Châu	Lư 3. 9	210
0754. Thiện	on 031	000
025	g	0
2 K38. Phạm	Uy 3. 7	210
1754. Đoàn	Pên 037	000
177	hương	0
2 K38. Đặng	Hạ 3 8	210
2754. Thị	nh 1	000
077	Hồng	0
2 K38. Phan	Tư 3 8	210
3754. Nguyệt	òn 2	000
176	g	0